

DANH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN THỜI TIẾT TRONG VỤ ĐÔNG XUÂN NĂM 1983 - 1984 Ở BÌNH TRỊ THIÊN

NGUYỄN DUY THỨC
Đại KTTV Bình Trị Thiên

Năng suất bình quân toàn lĩnh trong vụ đông xuân 1983 - 1984 về lúa là 26,4 tạ/ha đạt 105% kế hoạch và bằng 122% so với vụ đông xuân trước; ngô 14,2 tạ/ha đạt kế hoạch và bằng 125% so với vụ đông xuân trước; khoai 60 tạ/ha đạt 101% kế hoạch và bằng 115% so với vụ đông xuân trước; lạc 9,2 tạ/ha đạt 102% kế hoạch và bằng 118% so với vụ đông xuân trước thuốc lá 8,0 tạ/ha đạt 101% kế hoạch và bằng 238% so với vụ đông xuân trước và ớt quả 57 tạ/ha đạt 197% kế hoạch và bằng 182% so với vụ đông xuân trước.

Tuy tổng sản lượng lương thực quy ra thóc chưa đạt kế hoạch, nhưng nhìn chung sản xuất trong vụ đông xuân này tại Bình Trị Thiên có thể nói là một vụ được mùa hầu như toàn diện kể từ năm 1976 trở lại đây.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thắng lợi như: tiến bộ khoa học kỹ thuật, thủy lợi, giống, phân bón, phòng trừ sâu bệnh v.v Nhưng nguyên nhân thời tiết, khí hậu cũng đóng vai trò không nhỏ.

Dưới đây xin điểm lại một số đặc điểm thời tiết, khí hậu trong vụ đông xuân này.

1. Đầu đến giữa vụ thời tiết rét đậm kéo dài, nhiều loại cây trồng mọc mầm sinh trưởng và đẻ nhánh chậm.

Từ tháng XI/1983 đến tháng V/1984 có 28 đợt không khí lạnh tràn xuống đã chi phối trực tiếp thời tiết Bình Trị Thiên (hơn TBNN 4 đợt và hơn vụ đông xuân trước 6 đợt). Nhưng vì có cường độ mạnh từ đầu vụ và được tăng cường liên tục nên nhiệt độ giảm đột ngột và rét kéo dài (xem bảng 1).

Bảng 1: Số đợt không khí lạnh

Vụ	Tháng							Tổng số
	XI	XII	I/84	II	III	IV	V	
Vụ 1983 - 1984	5	5	5	4	3	3	3	28
So với vụ 1983	0	+1	+1	+1	0	+1	+2	+6
So với TBNN	+1	+1	+1	0	0	0	+1	+4

Mùa đông đến sớm hơn TBNN ở phía bắc từ 7 - 10 ngày, ở phía nam từ 20 - 30 ngày, và kết thúc chậm ở phía bắc từ 15 - 20 ngày ở phía nam 40 - 44 ngày. Số ngày mùa đông kéo dài (bảng 2).

Bảng 2: Ngày chuyển mức qua giới hạn mùa lạnh.

Ngày Vụ	Vùng								
	Đồng Hới			Đồng Hà			Huế		
	Bắt đầu	Kết thúc	Số ngày	Bắt đầu	Kết thúc	Số ngày	Bắt đầu	Kết thúc	Số ngày
Vụ 1983 — 1984	3/XII	16/XII	105	9/XII	8/III	91	10/XII	5/III	87
So với TBNN	Sớm 7	Muộn 18	+ 23	Sớm 16	Muộn 19	+ 35	Sớm 33	Muộn 45	+ 78
So với 1983	Sớm 1	Xấp xỉ	+ 2	Sớm 1	Muộn 2	+ 3	Xấp xỉ	Muộn 28	+ 17

Nhiệt độ không khí trung bình những tháng giữa mùa đông của vụ này ở phía bắc 16 — 17°C, ở phía nam 18 — 19°C thấp hơn cùng kỳ vụ trước từ 1 — 1,3°C và xấp xỉ cùng kỳ của năm 1977.

Nhiệt độ không khí thấp nhất ở vùng đồng bằng 10 — 13°C vùng núi thấp từ 8 — 10°C thấp nhất khu vực là 7,7°C xảy ra ở Tuyên Hóa ngày 10/1/1984. So với vụ 1983 vụ này cao hơn từ 1,2 — 3,0°C.

Số ngày rét đậm (có nhiệt độ trung bình ngày bằng hoặc nhỏ hơn 15°C) ở phía bắc từ 25 — 37 ngày nhiều hơn vụ đông xuân trước 11 — 12 ngày nhưng xấp xỉ cùng kỳ năm 1977. Ở phía nam tỉnh có từ 8 — 13 ngày, nhiều hơn vụ đông xuân trước 3 — 4 ngày, nhưng thấp hơn cùng kỳ năm 1977 từ 3 — 5 ngày. Như vậy vụ đông xuân năm 1984 chưa phải là một vụ rét nhất, kể từ năm 1976 lại đây về trị số cực trị cũng như trị số trung bình.

Những đợt rét đậm kéo dài đáng kể trong vụ này là:

— Đợt 1: Từ ngày 23/XII/1983 đến ngày 10/1/1984.

Ở đồng bằng nhiệt độ trung bình 15 — 16°C, thấp nhất 10 — 12°C có 10 ngày rét đậm và 2 — 3 ngày rét hại (nhiệt độ trung bình ngày bằng hoặc nhỏ hơn 13°C).

Ở vùng núi thấp nhiệt độ trung bình 14 — 15°C thấp nhất 7 — 8°C và có 16 — 17 ngày rét đậm và 6 — 7 ngày rét hại.

— Đợt 2: Từ ngày 20/1/1984 đến ngày 16/II/1984.

Ở đồng bằng nhiệt độ trung bình 15 — 16°C, thấp nhất 11 — 12°C có 6 — 8 ngày rét đậm và 1 — 2 ngày rét hại.

Ở vùng đồi núi nhiệt độ trung bình 14 — 15°C thấp nhất 8 — 10°C có 15 — 16 ngày rét đậm và 3 — 5 ngày rét hại.

Rét đậm xảy ra suốt thời gian gieo, cấy rõ là nguyên nhân gây ra khó khăn trở ngại việc thực hiện kế hoạch, diện tích gieo cấy của vụ chiêm xuân này bị giảm sút; Thời vụ bị chậm trễ, mạ bị chết nhiều, lúa cấy bén rễ chậm, đẻ nhánh ít, cây trồng sinh trưởng kém, thời kỳ sinh trưởng kéo dài.

2. Thời gian cuối vụ thời tiết ẩm áp, lúa trở bông và làm hạt thuận lợi

Từ tháng IV/1984 trở đi nhiệt độ tăng rõ rệt, trung bình 25 — 27°C. Thấp cũng đạt 22 — 24°C. Số ngày có nhiệt độ bằng 25°C trở lên (chỉ tính đến 30/IV) vùng phía bắc có 17 — 20 ngày thấp hơn cùng kỳ vụ trước 2 — 3 ngày, vùng phía nam tỉnh có 34 — 38 ngày, nhiều hơn cùng kỳ vụ trước 9 — 10 ngày. Ảnh hưởng của gió khô nóng so với cùng kỳ vụ trước, vụ này tuy xuất hiện sớm hơn 10 ngày nhưng cường độ yếu hơn nên số ngày có gió khô nóng (tính đến

hết tháng V) cũng thấp hơn từ 9 - 18 ngày. Thời kỳ này có thời tiết thuận lợi cơ bản kéo dài hầu như suốt thời đoạn lúa chiêm xuân từ trở bông đến làm hạt kể cả trà cấy sớm và muộn, đó là thuận lợi cơ bản nhất của ngoại cảnh đối với cây lúa vụ đông xuân trong giai đoạn hình thành sản lượng.

Chế độ ẩm phân bố không đều đầu vụ và cuối vụ thiếu ẩm gây hạn nhẹ đối với cây trồng cạn.

Vụ đông xuân 1983 hạn nặng từ giữa đến cuối vụ. Vụ này tổng lượng mưa cả vụ khá (từ tháng XI/83 - V/84) hiện tượng ngập úng đầu vụ, giữa và cuối vụ hạn kéo dài không xảy ra. Tuy tổng lượng mưa dưới trị số TBNN, phổ biến từ 100 - 300mm (xem bảng 3).

So với vụ đông xuân trước ở phía bắc mưa ít hơn ở phía nam.

Bảng 3: Tổng lượng mưa từ tháng XI/83 - V/84 (mm)

Vụ	Địa điểm						
	Ba Đồn	Đồng Hới	Đồng Hà	Khe Sanh	Huế	A Lưới	Nam Đông
Vụ đông xuân 1983 - 1984	423	595	572	433	929	1167	1244
So với vụ 1983	-614	-691	-811	+208	+41	+476	+536
So với TBNN	-225	-160	-411	-102	-324	-136	-66

Thời gian có lượng mưa ít xảy ra trong vụ này từ 1/III - 10/IV.

Lượng mưa phổ biến ở phía bắc 3 - 7mm, ở phía nam 12 - 47mm (riêng A Lưới 119mm).

- Số ngày mưa cả vụ ở phía bắc có từ 67 - 87 ngày ở phía nam tỉnh có từ 95 - 110 ngày. Tháng III và IV nhiều nơi có số ngày mưa từ 7 - 8 ngày trong một tháng, còn các tháng khác có từ 15 - 18 ngày.

- Do không khí lạnh tràn xuống trong vụ này hầu hết là ẩm, đều có gây mưa, kể cả những đợt tràn xuống trong tháng V/1980, nên độ ẩm không khí các tháng đều cao trung bình từ 84 - 90%, Tháng IV và V/1984, tuy có gió khô nóng nhưng độ ẩm trung bình tháng vẫn đạt 80 - 85%. Độ ẩm thấp nhất 27 - 33% hầu hết các nơi đều xảy ra vào trung tuần tháng 3.

4. Ánh sáng phân bố không đều, những tháng giữa vụ thiếu ánh sáng

Tổng số giờ nắng cả vụ (tháng XI/83 - V/84) biến động từ 800 - 850h. Thấp hơn TBNN và cùng vụ năm trước từ 60 - 250h (xem bảng 4).

Bảng 4 Tổng số giờ nắng trong vụ (h).

Vụ	Địa điểm					
	Ba Đồn	Đồng Hới	Đồng Hà	Huế	A Lưới	Nam Đông
Vụ 1983 - 1984	848	833	791	786	816	829
So với vụ 1983	-45	-79	-98	-124	-154	-154
So với TBNN	-51	-61	-151	-170	-120	-250

(xem tiếp trang 30)